

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224 /2017/HNGĐ - ST

Ngày: 01 / 8 / 2017

“V/v Ly hôn giữa bà T với ông H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Bảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Ông Khru Bình Trí;
 - 2. Bà Dương Thị Thúy Duy
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú

Ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử công khai vụ án thụ lý số: 139/2017/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Bé T**, sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 13, ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Tổ 12, ấp Vĩnh Bình, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 208, tổ 13, ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án bà T trình bày: Năm 2003, bà và ông H tổ chức lễ cưới, hôn nhân xác lập trên cơ sở tự nguyện nhưng đến ngày 13/6/2006 mới đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn.

- Con chung: Tên là Đặng Thị Như Ý, sinh ngày 29/8/1998, đã trưởng thành và đang sống chung với bà T.

- Nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên ông H, bà T chung sống lại nhưng do ông H vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị Bé T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết việc hôn nhân của bà với ông H. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Ông H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù ông H và bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng đã đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2006, do vậy quan hệ hôn nhân của ông bà có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình kể từ thời điểm đăng ký. Do trong đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà theo lời trình bày của bà T thì ông H thường cờ bạc, uống rượu sau đó về nhà lớn tiếng với vợ con, không cho bà đi làm để kiếm tiền nuôi gia đình và cả hai đã nhiều lần mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà T và ông H đã không còn sống chung.

Xét thấy: ông H đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải nhưng ông không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T và cũng không đến tham gia hòa giải, từ đó có căn cứ cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của ông H và bà T là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên cần cho bà T và ông H được ly hôn để mỗi bên tự xây dựng hạnh phúc riêng của mình.

[3] Về con chung: Bà T khai có 01 con chung tên Đặng Thị Như Ý sinh ngày 29/8/1998, là con chung của bà và ông H. Sở dĩ cháu Như Ý sinh năm 1998 nhưng là con chung của bà và ông H là do thời điểm sinh cháu Như Ý thì bà chưa đủ 18 tuổi, sau đó đến năm 2003 thì cả hai mới tổ chức lễ cưới nên cháu Như Ý phải mang họ mẹ và trong sổ hộ khẩu gia đình do ông H đứng tên chủ hộ cũng thể hiện cháu Như Ý là con. Nay cháu Như Ý đã trưởng thành, do vậy Tòa án không xem xét giải quyết về việc nuôi con chung cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trường hợp ông H có yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

- Bà Đặng Thị Bé T và ông Nguyễn Thanh H được ly hôn.
- Con chung: Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 29/8/1998, đã trưởng thành nên không xem xét việc cấp dưỡng và nuôi con chung.
- Tài sản chung, nợ chung: không xem xét do bà T không yêu cầu.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0011028 ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú (bà T đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã Vĩnh H
ậu H.AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

